

第13課

Bài 13

せいぞう さぎょう

製造作業(1)

Thao tác chế tạo (1)

第13課(1) Bài 13 (1)

実習生のリンさんは、指導員の鈴木さんと魚の下処理のまえの解凍について話しています。

Thực tập sinh Lin đang nói chuyện với người hướng dẫn Suzuki về việc rã đông trước khi sơ chế cá.

第13課(1) Bài 13 (1)

すずき かいとう
鈴木:リンさんはサバの解凍をやったことがある?

リン:いいえ、ありません。

すずき せつめい れいぞうこ と だ
鈴木:じゃ、説明するね。まず冷凍庫からサバを取り出して。

かいとうき い
それから解凍機に入れて、しばらくそのまま。

リン:あのう、何分ぐらいそのままにしますか。

すずき じかん じかん
鈴木:1時間ぐらい。でも、時間だけじゃなくて、

おんど み すいおん ど いか
温度もよく見てね。水温は10度以下だよ。

すいおん ど いか
リン:水温は10度以下ですね。わかりました。

S: Em Lin đã từng rã đông cá thu Nhật bao giờ chưa?

L: Chưa, tôi chưa từng.

S: Vậy thì tôi sẽ giải thích nhé. Trước tiên, hãy lấy cá thu Nhật ra khỏi tủ cấp đông. Sau đó, cho vào máy rã đông rồi cứ để ở đó một lúc.

L: Dạ. Tôi để như vậy trong mấy phút ạ?

S: Khoảng 1 giờ. Thế nhưng, không chỉ thời gian mà còn xem cả nhiệt độ nữa nhé. Nhiệt độ nước là từ 10 độ trở xuống đó.

L: Nhiệt độ nước là từ 10 độ trở xuống nhỉ. Tôi hiểu rồi.

第13課(2) Bài 13 (2)

実習生のリンさんは作業場でじゃがいもの下処理をしています。

Thực tập sinh Lin đang sơ chế khoai tây tại nơi làm việc.

第13課(2) Bài 13 (2)

すずき かわ む
鈴木:じゃがいもの皮は剥いた？

む
リン:はい、剥きました。

すずき き みず ひた
鈴木:じゃ、切って、水に浸してください。

かんせいひん しゃしん み
ここに完成品の写真があるから、これも見てね。

しゃしん み き
リン:わかりました。写真を見て、切ります。

すずき き しゃしん ちが
リン:あのう、鈴木さん。切りましたが、写真とちょっと違います。

なに ほうほう
何かいい方法がありますか。

すずき かたち ぜんぶ おな み はんぶん き
鈴木:形が全部同じだね。ちょっと見て。半分に切って、こうして.....

リン:ああ、そうするんですね。わかりました。ありがとうございます。

S: Em đã bóc vỏ khoai tây chưa?

L: Vâng, tôi đã bóc vỏ rồi.

S: Vậy, hãy cắt rồi ngâm vào nước. Ở đây có cái ảnh của thành phẩm, nên hãy xem cả nó nữa nhé.

L: Tôi hiểu rồi. Nhìn ảnh rồi cắt.

L: Xin lỗi, anh Suzuki. Tôi đã cắt rồi, nhưng hơi khác với trong ảnh. Anh có cách làm hay nào không ạ?

S: Hình dạng thì giống toàn bộ nhé. Hãy nhìn này. Cắt một nửa, như thế này.....

L: A, là làm như vậy nhé. Tôi hiểu rồi. Xin cảm ơn anh.

第13課(3) Bài 13 (3)

実習生のリンさんはキャベツを洗淨しています。

Thực tập sinh Lin đang rửa bắp cải.

第13課(3) Bài 13 (3)

リン:^{すずき}鈴木さん、すみません。

鈴木:^{すずき}はい。

リン:^{せんざい}洗剤で洗ったあと、^{あら}3回^{かい}すすぎましたが、

これでいいですか。

鈴木:^{すずき}洗剤の泡もないし、^{せんざい}土もないし、^{あわ}これ^{つち}でいいよ。

リン:このあと、どうしますか。

鈴木:^{すずき}ざるに揚げて、^あ水気^{みずけ}を切^きって。

リン:わかりました。

L: Anh Suzuki, tôi xin lỗi.

S: Vâng.

L: Sau khi rửa bằng chất tẩy rửa, tôi đã xả lại 3 lần, như thế này được chưa ạ?

S: Không có bọt của chất tẩy rửa, cũng không có đất, như thế này là được rồi.

L: Sau đây tôi sẽ làm gì ạ?

S: Hãy để vào rổ cho ráo nước.

L: Tôi hiểu rồi.